

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 27-10-2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, Nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phan Văn Huyện.

2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, Nuôi con chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 430/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hòa K, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Dương Thị Kim L
– Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

**** Nguyên đơn anh Nguyễn Hòa K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 18/9/2002. Sau khi kết hôn, anh chị sống riêng với gia đình tại xã T, huyện T. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2009 thì do mâu thuẫn giữa vợ và gia đình chồng nên chị H không tới lui hay về thăm gia đình chồng cho đến nay nên cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc của vợ chồng. Từ năm 2011 đến nay, vợ chồng làm riêng, xài tiền riêng; hiện tại anh làm Công ty thiết kế hoa kiểng nên đi làm xa ít về nhà. Khi về nhà thì anh ở căn nhà phía trước (do nhà có xây dựng các phòng trọ cho thuê nên anh ở một phòng trọ, không ở chung với vợ). Từ tháng 10/2019, anh về nhà mẹ ruột (tại Ấp M, xã T) sống và ly thân cho đến nay. Khoảng 01 năm nay vợ chồng không liên lạc qua điện thoại, anh chỉ về nhà khi con anh gọi về sửa điện nước bị hư hỏng. Hiện nay anh không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có một con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/3/2003. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hòa K kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 18/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã T, huyện T; thời gian sống chung hạnh phúc không mâu thuẫn gì. Năm 2009, anh K làm đem tiền về cho gia đình anh mà không nói chị, đến khi chị biết được có về hỏi thì không ai thừa nhận. Sau đó mẹ anh K có nói gì chị không biết thì anh K cấm không cho chị về gia đình anh nhưng chị vẫn về 2-3 lần nữa nhưng không ai nói tới chị nên chị mặc cảm không về cho đến nay. Từ năm 2011 đến nay, anh K làm có tiền chi tiêu riêng và lo cho con; tiền chị làm có thì lo cho con. Vợ chồng không ly thân vẫn còn sống chung đến khi nhận giấy mời giải quyết ly hôn thì anh K ít về nhà, về nhà vẫn ăn cơm chung, vẫn sinh hoạt vợ chồng bình thường. Ngày 18/9/2019, chị phát hiện anh K điện thoại bằng Zalo khoảng sáu mươi phút, chị yêu cầu anh K cho kiểm tra điện thoại thì anh K không cho. Một tuần sau thì anh K làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đem về nhưng chị không đồng ý nên không ký tên. Nguyên nhân anh K xin ly hôn là do anh K có người phụ nữ khác, chị yêu cầu hàn gắn sống chung vì từ trước đến nay vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng vẫn sống chung được, nay chị không đồng ý ly hôn với anh K vì chị còn thương anh K.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có một con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/3/2003. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung. Nếu chị nuôi con thì chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hòa K và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/3/2003 cho anh Nguyễn Hòa K trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H chưa phải đóng góp nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 30/6/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung: Chị không đồng ý ly hôn với anh K, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hòa K.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị không đồng ý ly hôn với anh K vì chị còn thương anh K. Nguyên đơn anh Nguyễn Hòa K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H tha thiết xin được đoàn tụ, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình khi mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ thì mới giải quyết cho ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh K và chị H không lớn, trong gia đình vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn, anh K cho rằng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc giữa chị H với gia đình của anh, mâu thuẫn này đã xảy ra từ 10 năm trước, hiện nay đã được giải quyết xong là tiền của ai làm nấy xài, do đó anh K lấy nguyên nhân mâu thuẫn trên để yêu cầu ly hôn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: chị H kháng cáo không đồng ý ly hôn, nhưng chị không đưa ra được biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tại phiên tòa phúc thẩm anh K vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị H. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hòa K có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H. Chị H có hộ khẩu thường trú tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Hòa K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H, yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/3/2003. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn, Nuôi con chung khi ly hôn” là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Hòa K. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh Nguyễn Hòa K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H; đồng thời yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Hòa K và chị Nguyễn Thị Thanh H chung sống như vợ chồng từ năm 2002; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 18/9/2002 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống riêng với gia đình hai bên; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh

K, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H mâu thuẫn với gia đình chồng về vấn đề tiền bạc từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng; từ năm 2011, anh chị làm riêng, xài riêng, không còn lo kinh tế chung của gia đình; từ tháng 10/2019, anh đã về nhà mẹ ruột sinh sống, thỉnh thoảng mới về nhà chung vợ chồng để thăm con hoặc sửa chữa điện nước hư hỏng do con gọi; ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về tiền bạc. Theo chị H, mâu thuẫn vợ chồng anh chị không nghiêm trọng như anh K trình bày, vợ chồng cũng không ly thân; nguyên nhân anh K xin ly hôn là vì có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh K thường xuyên không ở nhà, ra ngoài cũng không nói cho chị biết nhưng do vẫn còn thương con, thương anh K nên chị chấp nhận và mong muốn được hàn gắn đoàn tụ.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn chính để anh K khởi kiện xin ly hôn là mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc giữa anh, chị H với gia đình anh. Anh K và chị H trình bày thống nhất mâu thuẫn trên đã xảy ra từ năm 2010 cho đến nay, mâu thuẫn đã xảy ra từ 10 năm trước nhưng anh K và chị H vẫn chung sống vợ chồng bình thường, chỉ đến tháng 12 năm 2019 anh K mới khởi kiện xin ly hôn, do đó nguyên nhân mâu thuẫn trên chưa đến mức trầm trọng và đã khắc phục được nên vợ chồng mới tiếp tục chung sống. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K trình bày: khi anh nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh chỉ muốn nghe câu nói của chị H là yêu cầu anh rút đơn khởi kiện về vợ chồng đoàn tụ thì anh cũng bỏ qua. Điều đó chứng tỏ anh vẫn còn tình cảm với vợ và vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại với nhau.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được...”. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K chưa đến mức trầm trọng, do đó yêu cầu kháng cáo của chị H về việc yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn là có căn cứ. Án sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hòa K là chưa phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hòa K.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Hòa K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 20189 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên xem như anh đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn lại chị Nguyễn Thị Thanh H 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu số 20470 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền